UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 225 /BC-STNMT

Điện Biên, ngày 06 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 vào hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Căn cứ Quyết định số 4289/KH-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh về Cải cách hành chính Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Điện Biên năm 2022; Văn bản số 826/SKHCN-QLTĐC ngày 24/8/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo và gửi hồ sơ về việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2022.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 vào hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện

1. Thông tin chung:

- Tên đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Tên đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR): Trần Thị Thanh Phượng

Chức vụ: Phó Giám đốc

Điện thoại: 0215 3999 668

- Tên cán bộ giúp đại diện lãnh đạo theo dõi việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (thư ký ISO 9001: 2015): Phạm Thị Phương Hoa

Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng

Điện thoại: 0215 3811 328

2. Phạm vi hệ thống:

Tổng số phòng hiện có: 06 phòng, 04 đơn vị.

Số phòng áp dụng hệ thống: 05 phòng, 01 đơn vị.

3. Danh mục TTHC được UBDN tỉnh công bố và đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở:

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004	Đất đai
2	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Đất đai
3	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đất đai
4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai
6	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai
7	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai
8	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai
9	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai
11	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử	Đất đai

	dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
12	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
13	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai
14	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai
15	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai
16	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai
17	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai
18	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
19	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai
20	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai
21	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai
22	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai
23	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai
25	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai
26	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký	Đất đai

	biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	
27	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai
28	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai
29	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai
30	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	Đất đai
31	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Đất đai
32	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc bản đồ
33	Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc bản đồ
34	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Đo đạc bản đồ
35	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	Khoáng sản
36	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Khoáng sản
37	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Khoáng sản
38	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Khoáng sản
39	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Khoáng sản
40	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản
41	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản
42	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoáng sản
43	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Khoáng sản
44	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản

45	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	Khoáng sản
46	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	Khoáng sản
47	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Khoáng sản
48	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoáng sản
49	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản
50	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản
51	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản
52	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác đã được cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	Khoáng sản
53	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thuỷ văn	Khí tượng thủy văn
54	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	Khí tượng thủy văn
55	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thuỷ văn	Khí tượng thủy văn
56	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước
57	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước
58	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước
59	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước
60	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2m^3$/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước
61	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2m^3$/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m3/ngày đêm.	Tài nguyên Nước
62	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên Nước

63	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên Nước
64	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên Nước
65	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	Tài nguyên Nước
66	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Tài nguyên Nước
67	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên Nước
68	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Tài nguyên Nước
69	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Tài nguyên Nước
70	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	Tài nguyên Nước
71	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành cấp tỉnh	Tài nguyên Nước
72	Cấp giấy phép môi trường	Môi trường
73	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường
74	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường
75	Cấp lại giấy phép môi trường	Môi trường
76	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường
77	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản tại khoản 2 Điều 36 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022	Môi trường
78	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê, lưu trữ, vận chuyển mẫu vật thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Môi trường
79	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn Đa dạng sinh học	Môi trường

4. Danh mục các Thủ tục hành chính đã được đưa vào áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015:

STT	**Tên thủ tục hành chính**	**Lĩnh vực**	**Ký hiệu quy trình ISO**

I	**Các tài liệu hệ thống**		
1	Sổ tay chất lượng		STCL
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)		HD-TNMT-01
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội		HD-TNMT-02
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ và họp xem xét của lãnh đạo		HD-TNMT-03
5	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc		HD-TNMT-04
II	**Thủ tục hành chính**		
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004	Đất đai	QT-ĐĐ-01
2	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Đất đai	QT-ĐĐ-02
3	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đất đai	QT-ĐĐ-03
4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	QT-ĐĐ-04
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	QT-ĐĐ-05
6	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	QT-ĐĐ-06
7	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt	Đất đai	QT-ĐĐ-07

	Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
8	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	QT-ĐĐ-08
9	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	QT-ĐĐ-09
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	QT-ĐĐ-10
11	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gần liền với đất	Đất đai	QT-ĐĐ-11
12	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	QT-ĐĐ-12
13	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	QT-ĐĐ-13
14	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai	QT-ĐĐ-14
15	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai	QT-ĐĐ-15
16	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	QT-ĐĐ-16
17	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	QT-ĐĐ-17
18	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	QT-ĐĐ-18
19	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai	QT-ĐĐ-19
20	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai	QT-ĐĐ-20

21	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	QT-ĐĐ-21
22	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	QT-ĐĐ-22
23	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	QT-ĐĐ-23
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	QT-ĐĐ-24
25	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	QT-ĐĐ-25
26	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Đất đai	QT-ĐĐ-26
27	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai	QT-ĐĐ-27
28	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	QT-ĐĐ-28
29	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	QT-ĐĐ-29
30	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	Đất đai	QT-ĐĐ-30
31	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Đất đai	QT-ĐĐ-31
32	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc bản đồ	QT- ĐĐBĐ-01

33	Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc bản đồ	QT- ĐĐBĐ-02
34	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Đo đạc bản đồ	QT-ĐĐBĐ-03
35	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	Khoáng sản	QT-TNKS-01
36	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Khoáng sản	QT-TNKS-02
37	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-03
38	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-04
39	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Khoáng sản	QT-TNKS-05
40	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-06
41	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-07
42	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-08
43	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-09
44	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-10
45	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	QT-TNKS-11
46	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	QT-TNKS-12
47	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-13
48	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-14
49	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-15
50	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-16
51	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	QT-TNKS-17
52	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác đã được cấp trước	Khoáng sản	QT-TNKS-18

	ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)		
53	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	QT-KTTV-01
54	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	QT-KTTV-02
55	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	QT-KTTV-03
56	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước	QT-TNN-01
57	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước	QT-TNN-02
58	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước	QT-TNN-03
59	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước	QT-TNN-04
60	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m3/ngày đêm	Tài nguyên Nước	QT-TNN-05
61	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m3/ngày đêm.	Tài nguyên Nước	QT-TNN-06
62	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên Nước	QT-TNN-07
63	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên Nước	QT-TNN-08
64	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên Nước	QT-TNN-9
65	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	Tài nguyên Nước	QT-TNN-10
66	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Tài nguyên Nước	QT-TNN-11

67	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên Nước	QT-TNN-12
68	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Tài nguyên Nước	QT-TNN-13
69	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Tài nguyên Nước	QT-TNN-14
70	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	Tài nguyên Nước	QT-TNN-15
71	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành cấp tỉnh	Tài nguyên Nước	QT-TNN-16
72	Cấp giấy phép môi trường	Môi trường	QT-MT-01
73	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	QT-MT-02
74	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	QT-MT-03
75	Cấp lại giấy phép môi trường	Môi trường	QT-MT-04
76	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	QT-MT-05
77	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản tại khoản 2 Điều 36 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022	Môi trường	QT-MT-06
78	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê, lưu trữ, vận chuyển mẫu vật thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Môi trường	QT-MT-07
79	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn Đa dạng sinh học	Môi trường	QT-MT-08

Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xây dựng, áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015: 100%

5. Sở Tài nguyên và Môi trường đã Công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 năm 2022 tại cơ quan theo Quyết định số 130/QĐ-STNMT ngày 8/8/2022 về việc Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Quyết định 130/QĐ-STNMT ngày 08/8/2022 thay thế cho Quyết định số 138./QĐ-STNMT ngày 05/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 53/QĐ-CCBVMT ngày 10/10/2019 của Chi cục Bảo vệ môi trường.

Niêm yết công khai tại bảng thông báo của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: *"tnmtdienbien.gov.vn"*, và có thông báo gửi văn bản đến Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Sở KH&CN) để theo dõi, tổng hợp.

6. Tổ chức tuyên truyền, cử cán bộ đi đào tạo tập huấn cho cán bộ trực tiếp thực hiện ISO.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nắm bắt được nội dung liên quan đến Hệ thống QLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, tuyên truyền đến công dân, tổ chức, doanh nghiệp thông qua trang thông tin điện tử của Sở.

Phổ biến đến tất cả các công chức, viên chức tuân thủ các nội dung của Hệ thống QLCL đã ban hành, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Cử cán bộ, công chức phụ trách giải quyết TTHC, thành viên ban chỉ đạo ISO, Tổ giúp việc tham dự đầy đủ các chương trình tập huấn cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.

7. Ban hành mục tiêu chất lượng của cơ quan và các phòng, đơn vị năm 2022

Thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân, phấn đấu 100% hồ sơ giải quyết đúng hạn, 100% hồ sơ đã trả cho khách hàng không có khiếu nại trở lại

Thực hiện liên tục và không ngừng cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch của Ủy Ban nhân dân tỉnh Điện Biên giao.

8. Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm 2022

(Có phụ lục đính kèm)

9. Việc thực hiện các quy trình tác nghiệp trong thực tế:

Đơn vị thực hiện các quy trình tác nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính cơ bản đã theo Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Tuy nhiên do việc thực hiện công tác thẩm định theo tính chất Hội đồng (gồm nhiều các sở, ban, ngành; nhiều lĩnh vực) do vậy quá trình giải quyết TTHC cũng gặp không ít khó khăn.

10. Thực hiện đánh giá nội bộ:

Ban chỉ đạo ISO đã tham mưu cho lãnh đạo Sở tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch, chương trình đánh giá nội bộ, tổ chức đánh giá nội bộ vào ngày 22/8/2022. Qua đó đánh giá không có điểm không phù hợp nhẹ, không phù hợp nặng. Đoàn đánh giá đã phát hiện một số điểm khuyến nghị cần lưu ý.

11. Họp xét lãnh đạo:

Sau đánh giá nội bộ, Ban chỉ đạo ISO đã tham mưu việc xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng, qua xem xét đánh giá đủ điều kiện để tiến hành công bố.

12. Thực hiện hành động khắc phục, phòng ngừa:

Căn cứ vào nguyên nhân gây ra sự không phù hợp đã được xác định, các phòng, đơn vị có liên quan phải tìm biện pháp xử lý, đề xuất hành động khắc phục, phòng ngừa và tiến hành thực hiện các biện pháp đó nhằm ngăn ngừa sự tái diễn hoặc sự xuất hiện của sự không phù hợp.

Biện pháp khắc phục, cán bộ thực hiện, thời gian thực hiện phải được ghi nhận đầy đủ trong Phiếu yêu cầu hành động khắc phục, phòng ngừa.

Cán bộ được phân công có trách nhiệm tiến hành các hành động khắc phục, phòng ngừa. Trường hợp có phát sinh vấn đề trong quá trình thực hiện, cán bộ phải báo cáo ngay tới các phòng liên quan để có biện pháp xử lý kịp thời.

Quá trình thực hiện phải đảm bảo được thời gian đã đặt ra, tránh sự không phù hợp hoặc nguyên nhân tiềm ẩn kéo dài gây ảnh hưởng tới hoạt động của cơ quan.

13. Hoạt động cải tiến trong Hệ thống quản lý chất lượng

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành khảo sát, thành lập Ban chỉ đạo ISO; đào tạo nhận thức về Hệ thống ISO điện tử; xây dựng và triển khai thực hiện trên hệ thống ISO điện tử theo TCVN ISO 9001:2015. Sau đó sẽ tiến hành công bố sự phù hợp của Hệ thống quản lý chất lượng với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015, đồng thời thực hiện duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế.

14. Kinh phí bố trí cho hoạt động áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2022: kinh phí bố trí cho hoạt động áp dụng HTQLCL được trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp của các đơn vị, tuy nhiên nguồn kinh phí còn hạn hẹp, chưa đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính.

II. Đánh giá chung

1. Đánh giá kết quả thực hiện

- Về tài liệu hệ thống quản lý chất lượng: Sở Tài nguyên và Môi trường đã công bố các quy trình áp dụng tại Quyết định số 130/QĐ-STNMT ngày 08/8/2022 về việc Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, theo đó Sở đã đóng thành quyển và chuyển tới từng phòng thuộc đơn vị để áp dụng, triển khai.

- Về cải tiến HTQLCL: Sở luôn coi trọng việc xây dựng, duy trì áp dụng HTQLCL ISO là hết sức cần thiết trong công cuộc cải cách thủ tục hành chính qua đó tìm ra điểm không phù hợp trên cơ sở đó nhanh chóng có những yêu cầu và hành động phù hợp để khắc phục nó. Để nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và phục vụ tốt hơn nữa cho tổ chức, cá nhân cơ quan đã áp dụng toàn bộ đối với những thủ tục hành chính khi được UBND tỉnh phê duyệt, qua đó 100% các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường được giải quyết đúng thời hạn.

2. Những thuận lợi khó khăn và nguyên nhân của những vấn đề tồn tại trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiên HTQLCL.

*** Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Lãnh đạo Sở, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan; sự nhiệt tình, sâu sát hướng dẫn của cán bộ Chi cục Đo lường chất lượng - Sở Khoa học và Công nghệ.

- Có sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và tổ chức thực hiện của lãnh đạo và công chức các phòng; đã tích cực, chủ động thực hiện việc duy trì áp dụng, phòng ngừa, cải tiến HTQLCL ISO vào hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan.

- Công chức chuyên trách, đầu mối phụ trách thường xuyên tham mưu cho lãnh đạo đơn vị xử lý, giải quyết công việc theo quy trình ISO và thường xuyên theo dõi, giám sát thông qua kết quả thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính và thủ tục nội bộ.

*** Một số khó khăn và tồn tại, hạn chế:**

- Do văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên môi trường có nhiều thay đổi dẫn đến các thủ tục hành chính cũng thay đổi, theo đó việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 gặp không ít khó khăn.

- Công tác thực hiện xây dựng, duy trì áp dụng HTQLCL ISO là một công việc phức tạp, đòi hỏi sự đồng bộ, thường xuyên, liên tục và cần sự hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn nữa của cơ quan chủ quản.

- Công tác tuyên truyền, đào tạo còn hạn chế cả về hình thức, nội dung. Việc áp dụng hệ thống bước đầu đã được duy trì, áp dụng đạt hiệu quả nhưng chất lượng chưa cao.

- Điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí triển khai thực hiện xây dựng ISO năm 2020 còn hạn chế, khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Đề xuất, kiến nghị:

- Tiếp tục quy trì hệ thống quản lý chất lượng đã có, đẩy nhanh tiến độ xây dựng bổ sung các quy trình thực hiện thủ tục hành chính và các quy trình nội bộ có ảnh hưởng trực tiếp chất lượng công tác, giải quyết các thủ tục hành chính tại cơ quan.

- Tiếp tục rà soát hệ thống thủ tục hành chính được công bố đảm bảo mọi thủ tục hành chính đều được xây dựng quy trình để thực hiện.

- Tăng cường công tác đào tạo cả về hình thức, nội dung cho đội ngũ cán bộ, công chức nhất là cán bộ dõi việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

- Bổ sung cơ sở vật chất, kinh phí đảm bảo cho việc xây dựng, áp dụng HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trên đây là báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9001:2015 năm 2022 của Sở Tài nguyên Môi trường, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Trần Thị Thanh Phượng